

Bản án số: 45/2023 /HC-PT
Ngày: 14 - 02 - 2023
V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường.

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 204/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 54/2022/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 523/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Kiều Văn M – sinh năm: 1961; địa chỉ: 134 Đường T, phường T1, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông M: Ông Đỗ Anh T2, sinh năm 1985; địa chỉ số: Số 6, liên gia 31, buôn Đ xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. (Văn bản uỷ quyền ngày 01/3/2022)

2. *Người bị kiện:*

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại Th – C/v: Phó chủ tịch UBND thành phố B, vắng mặt; (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Nhật N – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và môi trường Thành phố B, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Ngô Thị H1 – sinh năm: 1962

3.2 Ông Kiều Việt H2 – sinh năm: 1985, vắng mặt;

3.3 Ông Kiều Việt T2 – sinh năm: 1987, vắng mặt;

3.4 Ông Kiều Thành Tr – sinh năm: 1992, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: 134 Đường T, phường T1, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H1: Ông Đỗ Anh T2 – sinh năm 1985; địa chỉ: Số 6, liên gia 31, buôn Đ xã C, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2022)

3.5 Ủy ban nhân dân phường T1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kiều Quang V – Chức vụ: Phó Chủ tịch; địa chỉ: 15 đường P, P. T1, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt theo trình bày của các bên đương sự như sau:

- *Người đại diện của người khởi kiện ông Kiều Văn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị H1 là ông Đỗ Anh T2 trình bày:*

Ngày 07/9/1988, UBND thị xã B ban hành Quyết định số 192/QĐ-UB về việc giao đất rừng sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp cho hộ ông Nguyễn Đăng B1, ông Nguyễn Thanh L, ông Nguyễn Như B2 với diện tích đất mỗi hộ là 0,27ha. Năm 1993 ông Nguyễn Như B2, ông Nguyễn Đăng B1, ông Nguyễn Thanh L chuyển nhượng cho ông Kiều Văn M, có đơn sang nhượng đất rừng được UBND phường T1 xác nhận ngày 11/8/1993. Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất trên, ông M sử dụng trồng cà phê trên đất. Ngày 11/4/2005 hộ ông Kiều Văn M được cấp Giấy CNQSD đất số AB 475330, thửa đất số 72, tờ bản đồ số 62, diện tích 6502,0m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Sau đó, hộ ông Kiều Văn M có sang nhượng cho ông Đinh Văn H3 và bà Kiều Thị Thanh Th1 diện tích 550.5m², chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc Q 701.5m², diện tích đất còn lại ông M xin cấp lại Giấy CNQSD đất. Ngày 22/8/2014, UBND Tp.B cấp Giấy CNQSD đất số BT 779479 cho hộ ông Kiều Văn M và bà Ngô Thị H1, tại thửa đất số 526, tờ bản đồ số 62, diện tích

5254,9m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước công nhận không thu tiền sử dụng đất.

Ngày 06/7/2018 ông Kiều Văn M có đơn kiến nghị Chủ tịch UBND Tp.B về việc cấp Giấy chứng nhận không đúng mục đích sử dụng và đề nghị UBND Thành phố B thu hồi Giấy CNQSD đất số BT 779479 đã cấp cho hộ ông Kiều Văn M và bà Ngô Thị H1.

Ngày 27/9/2018 UBND Thành phố B ban hành Công văn số 3259/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Kiều Văn M với nội dung: Đơn kiến nghị của ông Kiều Văn M đề nghị UBND Thành phố B xem xét thu hồi Giấy CNQSD đất số BT 779479, ngày 22/8/2014 theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 là không có cơ sở. Ngày 29/9/2018 ông Kiều Văn M tiếp tục khiếu nại thì ngày 09/12/2021 Chủ tịch UBND Thành phố B ban hành Quyết định số: 8800/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Kiều Văn M với nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Kiều Văn M, giữ nguyên Công văn số: 3259/UBND-TNMT ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B. Ông Kiều Văn M cho rằng việc UBND Thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 779479, ngày 22/08/2014 tại thửa đất số: 526, tờ bản đồ số: 62, diện tích: 5254,9m² vào mục đích đất trồng cây lâu năm là chưa đúng với mục đích sử dụng đất, chưa đúng với các quy định tại khoản 1, 2 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và nay là khoản 1, khoản 2 Điều 100 và điểm b khoản 4 Điều 103, điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, vì đất của ông Kiều Văn M có nguồn gốc đất làm nhà và ở ổn định trước 15/10/1993.

Vì vậy, ông Kiều Văn M đề nghị Tòa án:

Tuyên hủy Quyết định số: 8800/QĐ-UBND ngày 9/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Kiều Văn M.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định thu hồi Giấy CNQSD đất số BT 779479, ngày 22/08/2014 tại thửa đất số: 526, tờ bản đồ số: 62, diện tích: 5254,9m² và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiều Văn M đúng mục đích sử dụng là đất ở.

- *Người đại diện của người bị kiện, ông Lê Đại Th trình bày:*

1. Về nguồn gốc sử dụng đất: Ngày 07/9/1988, UBND thị xã B ban hành Quyết định số 192/QĐ-UB về việc giao rừng, đất rừng để sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp cho hộ ông Nguyễn Đăng B1, ông Nguyễn Thanh L mỗi hộ với diện tích 0,27ha. Năm 1993, ông Nguyễn Như B2, ông Nguyễn Đăng B1, ông Nguyễn Thanh L chuyển nhượng cho ông Kiều Văn M có đơn sang nhượng diện tích đất rừng được UBND phường T1 xác nhận ngày 11/8/1993. Sau khi nhận

chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hộ ông Kiều Văn M sử dụng vào mục đích nông nghiệp (trồng cà phê).

2. Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tại Điều 14 Luật Đất đai năm 2003 quy định căn cứ để xác định loại đất ngoài thực địa: *“Việc xác định loại đất trên thực địa theo các căn cứ sau đây:*

1. Theo hiện trạng sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt;

2. Theo quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

3. Theo đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép chuyển mục đích sử dụng đất”.

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai quy định phân loại: “1. Loại đất, mục đích sử dụng đất của mỗi thửa đất được xác định theo một trong các căn cứ sau:

a) Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho người đang sử dụng đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất;

c) Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với trường hợp không phải xin phép chuyển mục đích sử dụng đất;

d) Đất đang sử dụng ổn định phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt;

đ) Đối với trường hợp chưa có căn cứ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này thì căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất ổn định, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xác định loại đất, mục đích đất...”.

UBND phường T1 căn cứ vào các giấy tờ về quyền sử dụng đất (Quyết định giao đất, giấy chuyển nhượng và sự phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt), quá trình sử dụng đất của hộ ông Kiều Văn M xác định, loại đất, mục đích sử dụng đất của thửa đất do hộ ông Kiều Văn M sử dụng là đất nông nghiệp; đã hoàn thiện, xác nhận vào hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đề xuất UBND thành phố B xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông M tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 62, diện tích 6502,0m², mục đích sử dụng: trồng cây lâu năm.

Ngày 11/4/2005, UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 475330 cho hộ ông Kiều Văn M tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 62, diện tích 6502,0m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

Sau đó hộ ông Kiều Văn M lập thủ tục hợp thửa đất từ thửa đất số 72, tờ bản đồ số 62, diện tích 6502,0m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB

475330) và thửa đất số 517, tờ bản đồ số 62, diện tích 275m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 895946). Ngày 22/8/2014, UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 779479 cho hộ ông Kiều Văn M tại thửa đất số 526, tờ bản đồ số 62, diện tích 5254,9m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

3. Quá trình giải quyết khiếu nại

Năm 2018, ông Kiều Văn M có đơn kiến nghị UBND thành phố B xem xét thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 779479, ngày 22/8/2014 tại thửa đất số 526, tờ bản đồ số 62, diện tích 5254,9m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, lô đất tọa lạc tại phường T1, thành phố B. Lý do: ông M cho rằng Giấy chứng nhận đã cấp không đúng mục đích sử dụng.

UBND thành phố B nhận thấy không đủ cơ sở để thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 779479 theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Ngày 27/9/2018, UBND thành phố B ban hành Công văn số: 3259/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Kiều Văn M.

Ông Kiều Văn M khiếu nại và đề nghị hủy bỏ Công văn số: 3259/UBND-TNMT, ngày 27/9/2018 của UBND thành phố B.

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật Đất đai 2013 quy định căn cứ để xác định loại đất: *“Việc xác định loại đất theo một trong các căn cứ sau đây:*

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đã được cấp trước ngày 10 tháng 12 năm 2009; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ...”.

Ngày 09/01/2019, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số: 241/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Kiều Văn M, địa chỉ: Số 134 Đường T, thành phố B (lần đầu).

Thực hiện Công văn số: 10414/UBND-NNMT ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc xử lý kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số: 3126/STNMT-TTra ngày 13/11/2020, ngày 15/9/2021, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 6525/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định 241, giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Ngày 09/12/2021, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số: 8800/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Kiều Văn M, địa chỉ: Số 134 Đường T, thành phố B (lần đầu).

4. Quan điểm của Chủ tịch UBND thành phố B:

Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số: 8800/QĐ-UBND, ngày 09/12/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Kiều Văn M, địa chỉ: Số 134 Đường T, thành phố B (lần đầu) là đúng quy định. Do đó, đối với nội dung

ông Kiều Văn M khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số:8800/QĐ-UBND, ngày 09/12/2021 là không có cơ sở.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường T1, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là ông Kiều Quang V trình bày:

Về nguồn gốc đất trong Giấy CNQSD đất mà ông M khiếu nại:

Ngày 07/9/1988, UBND thị xã B ban hành Quyết định số: 192/QĐ-UB về việc giao rừng, đất rừng để sản xuất, kinh doanh cho hộ ông Nguyễn Đăng B1, Nguyễn Thanh L mỗi hộ 0,27ha. Năm 1993, ông Nguyễn Như B2, ông Nguyễn Đăng B1, ông Nguyễn Thanh L chuyển nhượng cho ông Kiều Văn M và có đơn sang nhượng diện tích đất rừng được UBND phường T1 xác nhận ngày 11/8/1993.

Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất trên, hộ ông M sử dụng vào mục đích nông nghiệp (trồng cà phê). Năm 2005, ông M lập hồ sơ đăng ký xin cấp Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 526, tờ bản đồ số 62, diện tích 5254,9m², với mục đích đất nông nghiệp (ông M kê khai mục đích sử dụng: Trồng cà phê).

Về quy hoạch sử dụng đất tại thời điểm lập hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất nêu trên: Vị trí thửa đất thuộc quy hoạch đất nông nghiệp (Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của thành phố B).

UBND phường T1 đã căn cứ vào các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quá trình sử dụng đất của hộ ông M, xác định loại đất, mục đích sử dụng đất của thửa đất do ông M sử dụng là đất nông nghiệp. UBND phường T1 đã hoàn thiện, xác nhận vào hồ sơ đăng ký cấp Giấy CNQSD đất và đề xuất UBND Thành phố B xem xét cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông M thửa đất số 526, tờ bản đồ số 62, diện tích 6502,0m², mục đích sử dụng: Trồng cây lâu năm.

- Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Kiều Việt H2, Kiều Việt T2, Kiều Thành Tr Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng những người nêu trên không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2022/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 11/QĐ-SCBSBA ngày 05-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 205 và Điều 206 Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 1 Điều 11, Điều 14 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 1 Điều 18; Điều 28 Luật khiếu nại tố cáo; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số

07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT, ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Văn M về việc: Tuyên hủy Quyết định số: 8800/QĐ-UBND ngày 9/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Kiều Văn M, buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định thu hồi Giấy CNQSD đất số BT 779479 được UBND Thành phố B cấp ngày 22/08/2014 cho hộ ông Kiều Văn M, tại thửa đất số: 526, tờ bản đồ số: 62, diện tích: 5254,9m² và xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiều Văn M.

Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Kiều Văn M

[3] Kháng cáo:

Ngày 15-8-2022 ông Kiều Văn M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; nêu lý do kháng cáo về nguồn gốc thửa đất 526 được UBND thị xã B cấp đất ngày 7-9-1988, ông M sang nhượng lại ngày 11-8-1993 có ký cho phép chuyển nhượng của UBND phường T1. Gia đình ông M đã xây dựng nhà ở ổn định từ ngày 12-8-1993 cho đến năm 2014 được cấp Giấy chứng nhận, cho nên loại đất trong Giấy chứng nhận ghi là đất trồng cây lâu năm là chưa đúng, vì gia đình ông M đã sử dụng làm đất ở từ trước 15-10-1993.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: đây là phiên tòa phúc thẩm được mở lần thứ hai, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số: 8800/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Kiều Văn M:

Ngày 06/7/2018 ông Kiều Văn M có đơn kiến nghị Chủ tịch UBND Thành phố B về việc cấp Giấy chứng nhận không đúng mục đích sử dụng và đề nghị UBND Thành phố B thu hồi Giấy CNQSD đất số BT 779479 cấp cho hộ ông Kiều Văn M và bà Ngô Thị H1 tại thửa đất số 526, tờ bản đồ số 62, diện tích 5254,9m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Ngày 27/9/2018 UBND Thành phố B ban hành Công văn số: 3259/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn kiến nghị của ông Kiều Văn M với nội dung: Đơn kiến nghị của ông Kiều Văn M đề nghị UBND Thành phố B xem xét thu hồi Giấy CNQSD đất số BT 779479 được UBND Thành phố B cấp ngày 22/8/2014 cho hộ ông M theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 là không có cơ sở. Ngày 29/9/2018 ông Kiều Văn M tiếp tục khiếu nại. Ngày 09/12/2021 Chủ tịch UBND Thành phố B ban hành Quyết định số: 8800/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Kiều Văn M với nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Kiều Văn M, giữ nguyên Công văn số: 3259/UBND-TNMT ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Xem xét về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất thửa đất số 526, tờ bản đồ số 62: Ngày 07/9/1988, UBND thị xã B ban hành Quyết định số: 192/QĐ-UB về việc giao rừng, đất rừng để sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp cho hộ ông Nguyễn Đăng B1, ông Nguyễn Thanh L mỗi hộ với diện tích 0,27ha. Năm 1993, ông Nguyễn Như B2, ông Nguyễn Đăng B1, ông Nguyễn Thanh L chuyển nhượng cho ông Kiều Văn M có đơn sang nhượng diện tích đất rừng được UBND phường T1 xác nhận ngày 11/8/1993. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hộ ông Kiều Văn M sử dụng vào mục đích nông nghiệp (trồng cà phê). Ủy ban nhân dân phường T1 căn cứ vào các giấy tờ về quyền sử dụng đất (Quyết định giao đất, giấy chuyển nhượng và sự phù hợp với quy hoạch đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt), quá trình sử dụng đất của hộ Kiều Văn M xác định, loại đất, mục đích sử dụng đất của thửa đất do hộ ông Kiều Văn M sử dụng là đất nông nghiệp. Quá trình kê khai cấp quyền sử dụng đất, ông M kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số: 72, tờ bản đồ số: 62, diện tích: 6502,0 m², mục đích sử dụng là đất trồng cà phê và được UBND Thành phố B cấp Giấy CNQSD đất số AB 475330, ngày 11/4/2005, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Hộ ông Kiều Văn M lập thủ tục nhập thửa đất số 72, tờ bản đồ số 62, diện tích 6502,0m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 475330) và thửa đất số 517, tờ bản đồ số 62, diện tích 275m² (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 895946). Sau đó, ông M sang nhượng cho ông Đinh Văn H3 và bà Kiều Thị Thanh Th1 diện tích 550,5m², sang nhượng lại cho ông Nguyễn Ngọc Q 701,5m². Ngày 22/8/2014, UBND thành phố B cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 779479 cho hộ ông Kiều Văn M, tại thửa

đất số 526, tờ bản đồ số 62, diện tích 5254,9m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

Như vậy, xét về nguồn gốc đất đối với thửa đất số 526, tờ bản đồ số 62, diện tích 5254,9m² tại phường T1 từ trước đến nay là đất trồng cà phê. Tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 22/02/2005, tờ khai lệ phí trước bạ đề ngày 19/7/2004 ông M đều kê khai mục đích sử dụng là đất trồng cà phê, nguồn gốc là đất rừng và đã được UBND phường T1 xác nhận là đất rừng. Vì vậy, ông M cho rằng việc cấp thửa đất số: 526, tờ bản đồ số: 62, diện tích: 5254,9m² có mục đích sử dụng là đất ở là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét thấy việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số: 8800/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Kiều Văn M với nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Kiều Văn M giữ nguyên Công văn số: 3259/UBND-TNMT ngày 27/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết đơn của ông Kiều Văn M là có căn cứ.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định thu hồi Giấy CNQSD đất số BT 779479 cấp cho hộ ông Kiều Văn M, ngày 22/08/2014, tại thửa đất số: 526, tờ bản đồ số: 62, diện tích: 5254,9m² và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiều Văn M:

Với nguồn gốc đất đối với thửa đất số 526, tờ bản đồ số 62, diện tích 5254,9m² tại phường T1 của hộ ông Kiều Văn M là đất trồng cà phê. UBND Thành phố B xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiều Văn M đã căn cứ vào nguồn gốc đất, giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đơn xin cấp quyền sử dụng đất, tờ khai lệ phí trước bạ của ông Kiều Văn M để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 779479 cho hộ ông Kiều Văn M, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm là đúng quy định của Luật Đất đai, đúng với hồ sơ kê khai của ông M. Vì vậy, ông M đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố B, ban hành Quyết định thu hồi Giấy CNQSD đất số BT 779479, ngày 22/8/2014 tại thửa đất số: 526, tờ bản đồ số: 62, diện tích: 5254,9m² và xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiều Văn là không có căn cứ.

[3] Bản án sơ thẩm đã quyết định Bác yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Văn M về việc: hủy Quyết định số: 8800/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Kiều Văn M; bác yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định thu hồi Giấy CNQSD đất số BT 779479 do UBND Thành phố B cấp ngày 22/08/2014 cho hộ ông Kiều Văn M, đối với thửa đất số: 526, tờ bản đồ số: 62, diện tích: 5254,9m² và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Kiều Văn M là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm

không có tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Ông Kiều Văn M là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính; Bác kháng cáo của ông Kiều Văn M và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 54/2022/HC-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 (và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 11/QĐ-SCBSBA ngày 05-8-2022) của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm ông Kiều Văn M được miễn nộp

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án .

Nơi nhận:

- Vụ GDKT III-TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, P.HCTP, LT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long